TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T H** **TH1NH PHỐ H1 N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **197**/2019/HS-ST
Ngày: 30-12-2019

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Công Phương Điệp
Ông Tạ Ngọc Cư

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy-Thư ký Tòa án nhân dân quận T H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị M - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T H, TH1nh phố H1 N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 208/2019/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn M1 H, sinh ngày 29/3/2001; Hộ khẩu thường trú: Số 30 ngách 1 L S C, phường V C, quận Đ Đ1, H1 N; Chỗ ở: Lang thang; Nghề nghiệp: Không; trình độ V hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Lệ H2; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Danh chỉ bản số 000000333, Công an quận T H lập ngày 20/8/2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 684/2018/HSST ngày 29/10/2018, Tòa án nhân dân (TAND) TP H1 N xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (*khi phạm tội 17 tuổi 3 ngày*), đã nộp án phí, chưa hết thời gian thử thách, ngày 02/8/2019 phạm tội mới.

Bị bắt ngày 11/8/2019, hiện Đ1ng bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an TP H1 N, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Phú S, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Số 178, Xóm DC, phường V M, quận Đ Đ1, H1 N; Chỗ ở: Lang thang; Nghề nghiệp: Không; trình độ V hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Phú H3 và bà Đặng Thị G; Gia đình có 02 anh em bị cáo là con thứ nhất; Danh chỉ bản số 000000334, Công an quận T H lập ngày 24/8/2019.

Tiền án: 01 tiền án: Bản án số 144/2018/HSST ngày 23/5/2018, TAND quận Đ Đ1 xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 29/01/2019, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 04/6/2019, Công an phường V C, quận Đ Đ1 xử phạt H1nh chính về H1nh vi S dụng trái phép chất ma túy, trong thời hiệu.

Nhân thân:

- Bản án số 414/2008/HSST ngày 28/8/2008,TAND quận Đ Đ1 xử phạt 50 tháng tù về tội Cướp tài sản (thời điểm phạm tội 15 tuổi 9 tháng 18 ngày). Chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 28/4/2011, đã nộp án phí, đã được xóa án tích.

- Bản án số 38/2012/HSST ngày 20/02/2012, TAND quận Ba Đình xử phạt 18 tháng tù về tội Chống người thi H1nh công vụ. Chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 15/4/2013, đã nộp án phí, đã được xóa án tích.

- Ngày 11/6/2016, Công an phường Thổ Quan, quận Đ Đ1 xử phạt H1nh chính về H1nh vi sản xuất, mua bán những dụng cụ dùng vào việc S dụng trái phép chất ma túy, ngoài thời hiệu;

Bị bắt ngày 11/8/2019, hiện Đ1ng bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an TP H1 N, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

+/**Chị Đặng Thị D, sinh năm 1998**; Hộ khẩu thường trú: Thôn Trung H1, xã Thái H, huyện B V, H1 N; Trú tại: ngõ 335 B K, phường LB, quận L B, H1 N, có mặt tại phiên tòa.

+/**Anh Nguyễn Vương H, sinh năm 1999**; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ1 Tài, xã ĐX, huyện B, tỉnh H1 N; Trú tại: Số 9, ngách 35/81 ĐTM, quận T H, H1 N, xin vắng mặt tại phiên tòa.

+/**Anh Nguyễn Như N, sinh năm 1987**; Hộ khẩu thường trú: Số … Thụy TK, quận T H, H1 N, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 10/8/2019, tổ công tác Công an phường Tứ Liên, quận T H, H1 N kiểm tra tạm trú phòng trọ của L Thị M (sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Thôn Vĩnh Đồng, xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên), tại số 103 ngách 22/124 Âu Cơ, Tứ Liên, T H, H1 N phát hiện có 01 bao tải, bên trong có 04 biển kiểm soát (BKS) xe máy. Trong phòng trọ có Nguyễn Phú S, Nguyễn M1 H, L Thị M, Nguyễn Duy M1 (sinh ngày 10/12/2003; trú tại: ngõ 633 H2 H1, Phúc Tân, Hoàn Kiếm, H1 N). Những người trên không xuất trình được giấy tờ tùy thân, tổ công tác đã đưa về trụ sở công an phường Tứ Liên để làm rõ.

Cơ quan điều tra (CQĐT) đã thu giữ: *của Nguyễn Phú S*: 04 BKS xe máy gồm: 18F1-26948; 29F1-26308; 29F1- 12766; 90F9- 7144; 01 điện thoại di động Redmi Note7 đã qua S dụng; *của Nguyễn M1 H*: 01 quần bò màu xanh có 02 vết rách ở ống quần gần khu vực đầu gối; 01 áo phông cộc tay màu đen, có in chữ "DSQUARED2"; *thu tại phòng trọ của L Thị M:* 01 chiếc xe máy Space Man, thân xe dán chữ Dream BKS 29V6- 4747 số khung (SK): 001922, số máy (SM): 00001922; 01 xe máy điện nhãn hiệu ANBICO màu đen không BKS.

Quá trình điều tra, Nguyễn Phú S, Nguyễn M1 H khai đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 02/8/2019, S điều khiển xe máy Honda wave BKS: 29E1-95931chở H đi lang thang, xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến đường Nước Phần Lan, phường Tứ Liên thấy chiếc xe Honda wave BKS 29V1-45169 SK: 433274, SM: 7432519 của chị Đặng Thị D dựng tại đầu ngõ 113 đường nước Phần Lan, phường Tứ Liên, quận T H, H1 N, không khóa càng. S ở ngoài cảnh giới, H đi về phía chiếc xe, lấy trong túi quần ra bộ vam đã chuẩn bị sẵn, phá khóa lấy cắp chiếc xe trên. S bán chiếc xe trên cho hai thanh niên (hiện không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 2.000.000đồng (nhận tiền mặt

1.000.000đồng, chuyển khoản 1.000.000đồng vào số tài khoản ngân H1ng của H). S, H chia nhau mỗi người 1.000.000đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 02/8/2019 chị Đặng Thị D có đơn trình báo việc bị trộm cắp 01 xe máy Honda wave màu trắng BKS 29V1-45169 và giao nộp: 01 USB bên trong có chứa dữ liệu liên quan đến các đối tượng trộm cắp tài sản.

Tại kết luận định giá tài sản số 174 ngày 14/8/2019 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận T H kết luận: Giá 01 chiếc Honda wave BKS 29V1-45169 là 13.000.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 21giờ ngày 03/8/2019, S điều khiển xe Honda wave BKS29E1- 959.31chở H đi lang thang, xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến số 9 ngách 35/81 Đặng Thai M, phường Quảng An, quận T H thấy cổng mở, bên trong ngõ có dựng 01 chiếc xe Spaceman BKS: 90F9-7144 của anh Nguyễn Vương H. S đứng ở ngoài cảnh giới, H đi vào trong dùng vam phá khóa xe, lấy trộm chiếc xe trên. Ngày 04/8/2019 S tháo BKS 90F9-7144 cũ chiếc xe, lắp BKS 29V6-4747 vào, mục đích mang đi tiêu thụ, nhưng chưa thực hiện được thì bị công an thu giữ.

Ngày 12/8/2019, anh Nguyễn Vương H có đơn trình báo việc bị trộm cắp chiếc xe Honda wave Spaceman BKS 90F9-7144. Anh H giao nộp: 01 đăng ký xe máy số 0009161 BKS 90F9-7144 mang tên Nguyễn Xuân Hưởng (bố đẻ anh H) để phục vụ công tác điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 174 ngày 14/8/2019 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận T H kết luận: Giá 01 chiếc xe máy chiếc xe máy nhãn hiệu Spaceman là 4.000.000đồng.

Ngoài ra Nguyễn M1 H đã thực hiện vụ trộm cắp tài sản thứ 3:

Khoảng 12giờ ngày 10/8/2019, H đi bộ lang thang, mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến ngõ 23 Phan Phù Tiên, phường Cát Linh, quận Đ Đ1, H1 N, thấy chiếc xe máy Honda SH BKS 29F1-26380 của anh Nguyễn Như N dựng trên vỉa hè, không có người trông giữ, H đã dùng vam phá khóa ổ điện chiếc xe rồi điều khiển xe về phòng trọ của M. Sau đó H đã bán chiếc xe trên tại khu vực Kim Giang, quận Hoàng M, H1 N cho một người (không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 15.000.000đồng, tiền bán xe H đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/8/2019 anh Nguyễn Như N có đơn trình báo tại công phường Cát Linh, quận Đ Đ1 việc bị trộm cắp chiếc xe máy Honda SH BKS 29F1-26380 tại ngõ 23 Phan Phù Tiên, phường Cát Linh, quận Đ Đ1, H1 N.

Tại kết luận định giá tài sản số 211 ngày 03/10/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T H kết luận: Giá 01 chiếc xe máy Honda SH mang BKS 29F1-26380 là 65.000.000đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Phú S khai S còn tham gia 02 vụ trộm cắp cùng với N thanh niên tên Nhất (sinh năm 1974, địa chỉ xóm Dân Chủ, V Miếu, Đ Đ1, H1 N). Vụ thứ nhất vào khoảng tháng 6/2019 Nhất và S rủ nhau đi trộm cắp xe máy ở đường Xuân Diệu, Nhất xuống xe, S đứng ngoài cảnh giới. Sau đó S đi về nH1, khoảng 1 tiếng sau Nhất về đưa cho S 1.000.000đồng. Vụ thứ hai: vào đầu tháng 7/2019, khoảng 8giờ sáng (S không nhớ ngày) S chở Nhất đi hết phố Bùi Xương Trạch rồi rẽ trái 20mét, Nhất xuống xe, S đứng ngoài cảnh giới. Nhất trộm cắp được chiếc xe máy Wave, sau đó Nhất về chia cho S 500.000đồng. Hai vụ trộm cắp này, CQĐT xác M1 tại công an phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thời điểm cuối tháng 6 đầu tháng 7/2019 trên phố Bùi Xương Trạch không có vụ trộm cắp xe máy

nào như S khai. Xác M1 tại công an phường Quảng An, quận T H thời điểm cuối tháng 6, đầu tháng 7/2019 tại khu vực đường Xuân Diệu, phường Quảng An, quận T H không xảy ra vụ trộm cắp xe máy nào như S khai. Đối với đối tượng tên Nhất: CQĐT xác M1 tại phường V Miếu không có đối tượng nào tên Nhất như S khai. Ngoài lời khai của S, không có tài liệu chứng cứ nào, không xác định được bị hại nên không có căn cứ để xác M1 làm rõ.

Tại CQĐT, Nguyễn M1 H, Nguyễn Phú S đã khai nhận toàn bộ H1nh vi như trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong H sơ vụ án.

Tại kết luận giám định số 6361 ngày 11/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tH1nh phố H1 N kết luận: Xe máy nhãn hiệu Spaceman đeo BKS 29V6-4747 SK,SM nguyên thủy. Xe máy điện nhãn hiệu ANBICO có SM 002491, SK820169 là số nguyên thủy, vị trí đóng số khung bị ôxi hóa làm mờ các kí tự.

Đối với L Thị M, Nguyễn Duy M1: Quá trình điều tra M và M1 khai không biết việc S, H trộm cắp xe máy, không biết nguồn gốc các BKS xe S để ở nH1 M. Lời khai của M và M1 phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu có trong H sơ nên CQĐT không có căn cứ xử lý đối với M và M1.

Đối với đối tượng mua chiếc xe Honda SH BKS 29F1-26380 của H, H khai bán cho một người không quen biết qua mạng nên CQĐT không làm rõ được.

Đối với số tài khoản 26010000884926 đã chuyển 1.000.000đồng tiền mua xe S, H trộm cắp được vào số tài khoản của H: Qua xác M1, chủ tài khoản là Lê Đình Mạnh (sinh năm 1998; Trú tại: số 10/22/269 Lạc L Q, phường Xuân La, quận T H, H1 N). Anh Mạnh khai: Khoảng đêm ngày 02/8/2019 sau khi đi làm về, Mạnh đi cùng vài người bạn tại Khương Trung, Thanh Xuân, H1 N, sau đó Nguyễn V C (là người cùng làm với Mạnh) nhờ chuyển hộ 1.000.000đồng, C không nói chuyển tiền để làm gì. Hiện C không còn làm cùng Mạnh nên không còn liên lạc, Mạnh không biết C ở đâu, làm gì nên CQĐT không làm rõ được.

Đối với chiếc xe máy Honda wave Spaceman BKS 90F9-7144 thu giữ tại phòng trọ của M, qua xác M1, chủ xe là ông Nguyễn Xuân Hưởng (sinh năm 1972; trú tại: thôn Đ1 Tài, xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh H1 N) là bố đẻ của anh H. Ông Hưởng khai đã cho anh H chiếc xe trên để đi lại thì bị mất trộm, anh H có đơn xin lại xe. Ngày 01/10/2019 CQĐT đã xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên và 01 đăng ký xe máy BKS 90F9-7144 cho anh H. Anh H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc xe máy Honda wave BKS:29F1-95931, S S dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản. S khai là xe của Nguyễn Anh Q (sinh năm 1991; trú tại: số 22 ngách 1 ngõ L S C, V C, Đ Đ1, H1 N) cầm cố cho S giá 3.000.000đồng từ 15/7/2019 và đã lấy lại ngày 07/8/2019. CQĐT xác M1 chủ xe là Nguyễn M1 Đức (sinh năm 1997; Trú tại: số 22 ngách 1 ngõ L S C, V C, Đ Đ1, H1 N). Anh Đức khai: Khoảng 31/7/2019, Q là anh trai ruột của anh Đức mượn xe máy đi, đến nay chưa về nH1. Anh Đức không biết Q đi đâu, làm gì. Xác M1 tại công an phường V C, Q không có mặt tại địa phương nên CQĐT không có căn cứ làm rõ.

Đối với chiếc xe máy điện nhãn hiệu ANBICO không có BKS: Xác M1 không có thông tin chủ phương tiện xe trên. M khai mua chiếc xe trên để đi lại nhưng không nhớ mua ở đâu, bao nhiêu tiền. S khai chiếc trên là của S, sau đó thay

đổi lời khai là xe của M. CQĐT đã tiến H1nh tách rút tài liệu đối với chiếc xe máy điện ANBICO để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với BKS 29F1- 26380 thu giữ tại nH1 M là BKS của chiếc xe Honda SH, chủ xe là anh Nguyễn Như N, ngày 14/11/2019 CQĐT trao trả 01 BKS 29F1-26380 cho anh N.

BKS 18F1- 26948, xác M1 là BKS của xe Honda wave, chủ xe là Lê Thị Hiền (sinh năm 1995; Trú tại: Xuân H2, Xuân Trường, N Định). Xác M1 tại công an xã Xuân H2, Xuân Trường, N Định, chị Hiền không có mặt tại địa phương; BKS 29F1-12766 xác M1 là của xe Honda Vision, chủ xe M Công Trung (trú tại: số 10 đường Thanh Niên, Yên Phụ, T H, H1 N). Xác M1 tại phường Yên Phụ, tại địa chỉ trên không có ai là M Công Trung sinh sống; BKS 29V6-4747 đeo trên chiếc xe Spaceman là của xe Honda, chủ xe Trần Lê Hoan (trú tại: 127 Đội Cấn, Ba Đình, H1 N). Ông Hoan khai, ông mua chiếc Honda Dream đăng ký BKS 29V6-4747 từ năm 2006, sau một thời gian đã bán lại xe cho người khác, ông không còn nhớ tên tuổi địa chỉ của người đó. Tra cứu xe máy 18F1-26948 và các BKS 29F1-12766, BKS 29V6- 4747 nhưng không có trong dữ liệu xe máy vật chứng, CQĐT đã tiến H1nh đăng báo. Ngày 14/11/2019 đã tách rút tài liệu liên quan đến các BKS trên để tiếp tục điều tra làm rõ.

CQĐT đã thông báo truy tìm vật chứng đối với chiếc xe máy Honda wave màu trắng BKS 29V1-45169 SK: 433274, SZM: 7432519 của chị Đặng Thị D và chiếc xe máy, máy nhãn hiệu Honda SH BKS 29F1- 26380 SK: 076034, SM: 0065846 của anh Nguyễn Như N nhưng chưa có kết quả.

Về phần dân sự: Chị Đặng Thị D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000đồng trị giá chiếc xe máy của chị. Anh Nguyễn Vương H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Anh Nguyễn Như N yêu cầu H pH bồi thường 65.000.000đồng trị giá chiếc xe máy của anh.

Cáo trạng số 195/CT-VKS ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) quận T H đã truy tố Nguyễn M1 H về tội "trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173, Nguyễn Phú S về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo H, bà Nguyễn Lệ H2, ông Nguyễn Mạnh C (là bố mẹ đẻ của bị cáo H) đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để bà H2, ông C thay mặt bị cáo H bồi thường 1 phần thiệt hại cho bị hại. Chị D, anh N xác nhận đã được gia đình bị cáo H bồi thường như sau: Chị D số tiền là 5.000.000đồng, anh N số tiền là 15.000.000đồng. Chị D, anh N đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Đại diện VKSND quận T H kết luận vụ án: Giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 56 BLHS (đối với bị cáo H); Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS (đối với bị cáo S). Xử phạt Nguyễn M1 H từ 32 (ba mươi hai) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt với 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 684/2018/HSST ngày 29/10/2018, buộc bị cáo pH chấp H1nh hình phạt chung của hai bản án. Xử phạt Nguyễn Phú S từ 20 (hai mươi) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Buộc các bị cáo pH liên đời bồi thường cho chị D số tiền

13.000.000đồng. Ghi nhận tại phiên tòa bị cáo H đã bồi thường cho anh N số tiền 15.000.000đồng, cho chị D số tiền 5.000.000đồng. Buộc bị cáo H còn pH tiếp tục bồi thường: cho chị D số tiền 1.500.000đồng, cho anh N số tiền 50.000.000đồng. Buộc bị cáo S pH bồi thường cho chị D số tiền 6.500.000đồng. Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:Trả lại cho bị cáo S 01 điện thoại di động Redmi Note7; tịch thu tiêu hủy: 01 quần bò màu xanh có 02 vết rách ở ống quần, 01 áo phông màu đen thu giữ của bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, bị hại HĐXX nhận định như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của CQĐT công an quận T H, Điều tra viên, VKSND quận T H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định của cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng. Do đó các H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về N dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT và các tài liệu khác có trong H sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài cá nhân Nguyễn M1 H, Nguyễn Phú S đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 02/8/2019, tại đầu ngõ 113 đường nước Phần Lan, phường Tứ Liên, quận T H, H1 N, Nguyễn Phú S và Nguyễn M1 H đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy Honda wave màu trắng BKS 29V1-45169 của chị Đặng Thị D, trị giá 13.000.000đ(mười ba triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 03/8/2019, tại nH1 số 9 ngách 35/81 Đặng Thai M, phường Quảng An, quận T H, H1 N, Nguyễn Phú S và Nguyễn M1 H lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Spaceman BKS: 30F9-7144 của anh Nguyễn Vương H, trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Ngoài ra, khoảng 12 giờ 30phút ngày 10/8/2019, tại ngõ 23 Phan Phù Tiên, phường Cát Linh, quận Đ Đ1, H1 N, Nguyễn M1 H còn một mình lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS 29F1-26380 của anh Nguyễn Như N, có trị giá 65.000.000đ(sáu mươi lăm triệu đồng).

Tổng trị giá tài sản Nguyễn Phú S trộm cắp trong 02 vụ cùng Nguyễn M1 H là: 17.000.000đồng.Tổng trị giá tài sản Nguyễn M1 H trộm cắp trong 03 vụ là: 82.000.000đồng.

H1nh vi của các bị cáo đã cấu tH1nh tội "trộm cắp tài sản", cáo trạng của VKSND quận T H truy tố Nguyễn Phú S theo khoản 1 Điều 173, Nguyễn M1 H theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng quy định của pháp luật.

H1nh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân, các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, mục đích tư lợi.

[3] Xét tính chất đồng phạm và vai trò của từng bị cáo trong vụ án HĐXX xét thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo có quen biết nhau từ trước, cùng rủ nhau đi trộm cắp sau đó mang đi tiêu thụ và cùng nhau hưởng lợi.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: HĐXX xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân xấu. Đối với bị cáo H: Bản án số 684/2018/HSST ngày 29/10/2018, TANDTP H1 N xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (*khi phạm tội 17 tuổi 3 ngày*), đã nộp án phí, chưa hết thời gian thử thách, ngày 02/8/2019 phạm tội mới. Đối với bị cáo S: Bản án số 144/2018/HSST ngày 23/5/2018, TAND quận Đ Đ1 xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 29/01/2019, chưa được xóa án tích. Ngày 04/6/2019, Công an phường V C, quận Đ Đ1 xử phạt H1nh chính về H1nh vi S dụng trái phép chất ma túy, trong thời hiệu. Bản án số 414/2008/HSST ngày 28/8/2008,TAND quận Đ Đ1 xử phạt 50 tháng tù về tội Cướp tài sản, chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 28/4/2011, đã nộp án phí (thời điểm phạm tội 15 tuổi 9 tháng 18 ngày), đã được xóa án tích. Bản án số 38/2012/HSST ngày 20/02/2012, TAND quận Ba Đình xử phạt 18 tháng tù về tội Chống người thi H1nh công vụ, chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 15/4/2013, đã nộp án phí, đã được xóa án tích. Ngày 11/6/2016, Công an phường Thổ Quan, quận Đ Đ1 xử phạt H1nh chính về H1nh vi sản xuất, mua bán những dụng cụ dùng vào việc S dụng trái phép chất ma túy, ngoài thời hiệu. Các bị cáo thực hiện H1nh vi lần này cùng với H1nh vi đã bị tuy tố, xét xử cho thấy các bị cáo là người coi thường pháp luật. Ngoài ra hậu quả do H1nh vi phạm tội của các bị cáo gây ra một phần chưa được khắc phục. Vì vậy cần pH ra một bản án phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: HĐXX xét thấy, đối với Nguyễn M1 H tại bản án số 684/2018/HSST ngày 29/10/2018, TANDTP H1 N đã xử phạt H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày 29/10/2018 (khi phạm tội 17 tuổi 3 ngày). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS được coi là không có án tích nên lần phạm tội này không xác định bị cáo là tái phạm. Ngày 02/8/2019 bị cáo phạm tội mới khi chưa hết thời hạn thử thách của bản án ngày 29/10/2018. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự; nếu họ đã bị tạm giam, tạm giữ thì thời gian bị tạm giam, tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp H1nh hình phạt tù.* Do vậy lần phạm tội này của bị cáo xác định là Đ1ng được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách nên bị cáo pH chấp H1nh hình phạt của lần phạm tội này, tổng hợp với hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với Nguyễn Phú S có 01 tiền án chưa được xóa án tích, bản án số 144/2018/HSST ngày 23/5/2018, TAND quận Đ Đ1 xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 29/01/2019, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này xác định bị cáo tái phạm, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo tH1nh khẩn khai báo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51

BLHS. Đối với bị cáo H đã tác động đến gia đình, tại phiên tòa đã bồi thường cho bị hại là chị D số tiền là 5.000.000đồng, cho anh N số tiền 15.000.000đồng, chị D, anh N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe máy Honda wave Spaceman BKS 90F9-7144 do S, H trộm cắp. CQĐT đã thu Hi được xe, ngày 01/10/2019 đã xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên và 01 đăng ký xe máy cho anh H. Anh H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda wave BKS 29V1-45169 của chị D các bị cáo sau khi chiếm đoạt được đã bán, chia nhau tiền, ăn tiêu hết. Hiện chưa thu Hi được, chị D yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe, vì vậy buộc các bị cáo pH liên đới bồi thường cho D trị giá chiếc xe là 13.000.000đồng, mỗi bị cáo 6.500.000đồng. Ghi nhận tại phiên tòa bị cáo H đã bồi thường cho chị D 5.000.000đồng nên còn pH bồi thường cho chị D 1.500.000đồng.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda SH BKS 29F1-26380 của anh Nguyễn Như N do H một mình chiếm đoạt, sau đó đem bán, ăn tiêu hết hiện chưa thu Hi được xe vì vậy buộc H bồi thường cho anh N trị giá chiếc xe là 65.000.000đồng. Ghi nhận tại phiên tòa bị cáo H đã bồi thường cho anh N 15.000.000đồng nên còn pH bồi thường cho anh N 50.000.000đồng.

Đối với ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Lệ H2 đã bồi thường cho chị D 5.000.000đồng, anh N 15.000.000đồng thay bị cáo H. Ông C, bà H2 khai, tiền đó là của ông bà tự nguyện bồi thường cho chị D, anh N thay bị cáo H, ông bà không yêu cầu bị cáo H trả lại tiền và không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền trên nên ông C, bà H2 không được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động Redmi Note7 thu giữ của bị cáo S; 01 quần bò màu xanh có 02 vết rách ở ống quần; 01 áo phông màu đen thu giữ của bị cáo H, các bị cáo khai là tài sản của các bị cáo, chiếc áo và chiếc quần không còn giá trị S dụng nên tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho bị cáo S chiếc điện thoại di động Redmi Note7.

Các bị cáo pH nộp án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn M1 H, bị cáo Nguyễn Phú S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 47, 56 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn M1 H 32 (ba mươi hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 684/2018/HSST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân TH1nh phố H1 N. Buộc bị cáo pH chấp H1nh hình phạt chung của hai bản án là 38 (ba mươi tám) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phú S 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2019.

Áp dụng các Điều 106, 331, 333, 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự:

+/ Buộc các bị cáo Nguyễn M1 H và Nguyễn Phú S pH liên đới bồi thường cho chị Đặng Thị D số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), mỗi bị cáo 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận tại phiên tòa bị cáo H đã bồi thường cho chị D số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) nên bị cáo H còn pH tiếp tục bồi thường cho chị D số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

+/ Buộc bị cáo Nguyễn M1 H còn pH bồi thường cho anh Nguyễn Như N số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Xử lý vật chứng *(hiện Đ1ng lưu giữ tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H: B bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2019):*

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần bò màu xanh có 02 vết rách ở ống quần; 01 áo phông màu đen.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phú S: 01 điện thoại di động Redmi Note7 màu đen-xanh tím.

Án phí: Bị cáo Nguyễn M1 H pH nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.575.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Phú S pH nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 325.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi H1nh án có quyền chủ động ra quyết định thi H1nh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án của người được thi H1nh án (đối với khoản tiền pH trả cho người được thi H1nh án) cho đến khi thi H1nh xong tất cả các khoản tiền, H1ng tháng bên pH thi H1nh án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi H1nh án theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân H1ng nH1 nước Việt N quy định tương ứng với thời gian chưa thi H1nh án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người pH thi H1nh án dân sự có quyền thoả thuận thi H1nh án, quyền được yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi H1nh án dân sự. Thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Đặng Thị D, anh Nguyễn Như N có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Vương H có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND quận T H;*
- *CCTHADS quận T H;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CA quận T H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS/VP.